

Bản án số: **16/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-5-2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tịnh Thới

2. Bà Vũ Thị Đượm

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương, Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2020, Tòa án nhân dân huyện X mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2020/QĐST – HNGĐ ngày 25/3/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1978 (*có mặt*).

ĐKTT: ấp P, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn K, sinh năm: 1975 (*vắng mặt*).

ĐKTT: ấp P, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Hà Văn K tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào tại UBND xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2000. Đây là lần kết hôn đầu của anh chị.

Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh K không quan tâm gia đình thường hay xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng không sống chung từ tháng 5/2019 cho tới nay, từ khi không sống chung anh chị không quan tâm mà bỏ mặc nhau. Hiện nay, tình cảm vợ

chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với chị Hóa.

Anh chị có 03 con chung là cháu Hà Thị Vân A, sinh ngày 03/11/2002, cháu Hà Kiều O, sinh ngày 25/11/2004 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 28/07/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hà Thị Vân A và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu Hà Kiều O và Cháu Hà Gia B cho anh K nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Theo lời khai bị đơn anh Hà Văn K trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian xảy ra mâu thuẫn. Quá trình sống chung vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cùng lý tưởng, chị H không biết hi sinh cho các con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2019.

Hiện nay, anh không muốn bỏ vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh tùy quyết định của chị H.

Về con chung: Anh không đồng ý giao cháu Hà Thị Vân A, sinh ngày 03/11/2002, Hà Kiều O, sinh ngày 25/11/2004 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 28/07/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị H và anh K, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu, cho chị H ly hôn.

Về con chung: Xét thấy, Hà Kiều O và cháu Hà Gia B hiện đang đang do anh K nuôi dưỡng và hai cháu có nguyện vọng được sống chung với anh K nên giao cháu Oanh và cháu Kiệt cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Giao cháu Hà Thị Vân A cho chị H dưỡng nuôi là phù hợp.

Tài sản chung: không yêu cầu, không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Văn K, do đó xác định chị H là nguyên đơn, anh K là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Hà Văn K đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo luật định, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 10/2019 đến nay, từ khi không sống chung vợ chồng không quan tâm mà bỏ mặc nhau. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị H yêu cầu nuôi cháu Vân Anh, anh K yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị H - anh K đều chứng minh được có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Hà Kiều O và cháu Hà Gia B có nguyện vọng muốn sống với anh K, đồng thời chị H đồng ý giao 02 con chung là cháu Oanh và cháu Kiệt cho anh K nuôi dưỡng nên giao cháu Oanh và cháu Kiệt cho anh K nuôi dưỡng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Giao cháu Hà Thị Vân A cho chị H dưỡng nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Hà Văn K
- Về con chung:

Giao cháu Hà Kiều O, sinh ngày 25/11/2004 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 28/07/2013 cho anh Hà Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Giao cháu Hà Thị Vân A, sinh ngày 03/11/2002 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn K được quyền việc thăm non con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H, anh K. Chị H và anh K được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Chi nộp (biên lai thu số 0003411 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X) được khấu trừ thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. X;
- Thi hành án dân sự H. X;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh